

Bản án số: 01/2023/DS- KDTM

Ngày 16/01/2023

“V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thái.

Ông Lương Ngọc Biên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Sơn- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2022/TLST- KDTM ngày 07/10/2022 về “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST - KDTM ngày 06 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2022/QĐST-KDTM ngày 22 tháng 12 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M; địa chỉ: Cụm công nghiệp NH, xã NH, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Thị B - giám đốc Công ty.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Đỗ Hồng L - phó giám đốc công ty.(có mặt)

- Bị đơn: Công ty TNHH K.

Địa chỉ: Lô đất FJ23 thuộc Khu Nam, Khu công nghiệp SK - NH, xã TP, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Zhang Ya L1 - Tổng giám đốc. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cũng như các lời khai sau này Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M do bà Đỗ Hồng L - phó giám đốc công ty đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Do Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M làm dịch vụ cung cấp thức ăn cho công nhân ở khu Công nghiệp SK - NH mà Công ty TNHH K có nhu cầu mua suất ăn công nghiệp cho công nhân, nên khoảng đầu năm 2019 giữa Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M và Công ty TNHH K có ký Hợp đồng dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp với nhau. Theo đó Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M cung cấp suất ăn công nghiệp cho Công ty TNHH K, thời hạn ký là 1 năm một, hết 01 năm lại ký lại hợp đồng. Thức ăn công nghiệp gồm cơm, tráng miệng, bánh sữa... Đến năm 2020, 2021, 2022 Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M vẫn ký hợp đồng và cung cấp thức ăn cho Công ty TNHH K đều đặn.

Theo hợp đồng dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp số 02.01.21/MT-KCD ngày 02/01/2021 và Hợp đồng dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp số 01.01.22/MT-KCD ngày 01/01/2022 thì Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M thực hiện dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp vận chuyển và phục vụ suất ăn tại nhà ăn của Công ty TNHH K với hình thức thanh toán dựa trên số suất ăn thực tế hai bên đã đối chiếu hằng ngày; việc thanh toán thực hiện mỗi tháng một lần bằng hình thức chuyển khoản; thời điểm thanh toán là 30 ngày kể từ ngày Công ty TNHH K nhận được hóa đơn chứng từ của Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M. Công ty Công ty TNHH K vẫn thanh toán đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng đến hết tháng 9 năm 2021. Tuy nhiên từ tháng 10 năm 2021 đến hết tháng 05 năm 2022 thì Công ty TNHH K bắt đầu vi phạm hợp đồng, không thanh toán tiền cho Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M theo thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng. Thời điểm đó dịch bệnh Covid 19 bùng phát nên việc làm ăn của Công ty TNHH K gặp khó khăn. Do vậy, Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M vẫn thông cảm và tiếp

tục thực hiện việc cung cấp thức ăn cho họ đến hết tháng 5 năm 2022. Nhưng họ vẫn không trả Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M tiền mặc dù Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M gửi công văn giục trả nợ đến họ rất nhiều lần.

Ngày 19/5/2022 giữa hai bên có ký biên bản thỏa thuận, nội dung là bên phía Công ty TNHH K sẽ trả Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M tiền theo thời hạn cụ thể là: Lần 1, từ ngày 17/5/2022 đến 30/5/2022 sẽ thanh toán 50% công nợ; còn trả dần cho các đợt sau, gồm 5 đợt, cụ thể vào các ngày 30/6/2022, ngày 30/7/2022, ngày 30/8/2022 và ngày 30/9/2022. Sau khi ký thỏa thuận trên Công ty TNHH K cũng không thực hiện theo thỏa thuận.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M lại tiếp tục có xác nhận công nợ với Công ty TNHH K, cụ thể tại biên bản đối chiếu công nợ No: 06/2022/KCD-MT, tổng số tiền Công ty TNHH K nợ từ tháng 10 năm 2021 đến hết tháng 5 năm 2022 là 1.579.315.900 đồng. Kể từ khi xác nhận công nợ xong và đến nay thì Công ty TNHH K cũng không thanh toán cho Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M bất kỳ khoản nào cả.

Nay, Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH K phải thanh toán trả Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M tiền cung cấp suất ăn công nghiệp từ tháng 10/2021 đến hết tháng 5 năm 2022, tổng số tiền là 1.579.315.900 đồng như công nợ đã chốt giữa hai bên ngày 14/6/2022. Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M không yêu cầu tính lãi.

Căn cứ để Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M đòi số tiền như trên của Công ty TNHH K là các hợp đồng dịch vụ ký giữa hai bên, hóa đơn giá trị gia tăng và biên bản đối chiếu công nợ No: 06/2022/KCD - MT ngày 14/6/2022 giữa Công ty TNHH sản xuất thương mại dịch vụ M và Công ty TNHH K.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập Hồ sơ pháp lý của Công ty TNHH K. Tòa án đã tiến hành giao, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu

tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho Công ty TNHH K đúng theo quy định của pháp luật, nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH K là Bà Zhang Ya L1 - Tổng giám đốc không đến Tòa án để viết bản tự khai và hòa giải. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ngày 22/12/2022, Tòa án nhân dân huyện Y đã mở phiên tòa xét xử nhưng bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Đại diện viện kiểm sát đề nghị hoãn phiên tòa, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, Bà Zhang Ya L1 - đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH K đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M do bà Đỗ Hồng L đại diện theo ủy quyền yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH K phải thanh toán trả Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M tiền cung cấp suất ăn công nghiệp từ tháng 10/2021 đến hết tháng 5 năm 2022, tổng số tiền là 1.579.315.900 đồng như công nợ đã chốt giữa hai bên ngày 14/6/2022. Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M không yêu cầu tính lãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành theo đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 280; 519 Bộ luật dân sự. Điều 87, Điều 317 Luật Thương mại xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty TNHH K phải thanh toán trả Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M tiền cung cấp suất ăn công nghiệp từ tháng 10/2021 đến hết tháng 5 năm 2022, tổng số tiền là 1.579.315.900 đồng.

+ Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc Công ty TNHH K phải chịu án phí DSST là 59.379.477 đồng án phí.

+ Trả lại Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M số tiền 29.467.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Theo như đơn khởi kiện, hồ sơ đăng ký kinh doanh cũng như hợp đồng cung cấp dịch vụ đã ký kết giữa Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M và Công ty TNHH K thì Công ty TNHH K có đăng ký kinh doanh tại Lô đất FJ23 thuộc Khu Nam, Khu công nghiệp SK - NH, xã TP, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017, thì: "...Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan..."

Bà Zhang Ya L1 - Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH K không có mặt tại Công ty, nhưng theo cung cấp của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Giang, Công ty TNHH K hiện tại vẫn đang hoạt động, Công ty chưa nộp đơn giải thể hay tạm ngừng hoạt động. Bà Zhang Ya L1 - không thông báo địa chỉ là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án huyện Y đã niêm yết toàn bộ giấy tờ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật tại địa chỉ Công ty đăng ký kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật.

Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt Bà Zhang Ya L1 - Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH K là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ pháp luật:* Quan hệ tranh chấp giữa Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M và Công ty TNHH K là quan hệ kinh doanh thương mại giữa các pháp nhân có đăng ký kinh doanh.

Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M có ký hợp đồng dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp số 02.01.21/MT- KCD ngày 01/01/2021 và Hợp đồng dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp số 01.01.22/MT- KCD ngày 01/01/2022 với Công ty TNHH K. Nội dung là Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M thực hiện dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp vận chuyển và phục vụ suất ăn tại nhà ăn của Công ty TNHH K.

Theo biên bản đối chiếu công nợ No: 06/2022/KCD-MT ngày 14/6/2022, tổng số tiền Công ty TNHH K nợ Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M từ tháng 10 năm 2021 đến hết tháng 5 năm 2022 là 1.579.315.900 đồng. Do người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH K không còn sinh sống tại Việt Nam, Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M đã yêu cầu nhiều lần nhưng Công ty TNHH K chưa thanh toán số tiền theo như biên bản đối chiếu công nợ. Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết. Đây là “Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Công ty TNHH K có đăng ký kinh doanh tại Lô đất FJ23 thuộc Khu Nam, Khu công nghiệp SK - NH, xã TP, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Theo qui định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý vụ án là đúng quy định.

[4]. *Về nội dung vụ án:*

Ngày 02/01/2021 Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M và Công ty TNHH K có ký hợp đồng dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp số 02.01.21/MT- KCD và ngày 01/01/2022 Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M và Công ty TNHH K có ký Hợp đồng dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp số 01.01.22/MT- KCD. Theo đó, Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M làm dịch vụ cung cấp thức ăn công nghiệp gồm cơm, tráng miệng, bánh sữa... cho Công ty TNHH K, với hình thức thanh toán dựa trên số

suất ăn thực tế hai bên đã đối chiếu hằng ngày; việc thanh toán thực hiện mỗi tháng một lần bằng hình thức chuyển khoản; thời điểm thanh toán là 30 ngày kể từ ngày Công ty TNHH K nhận được hóa đơn chứng từ của Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M.

Ban đầu Công ty TNHH K vẫn thanh toán đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng đến hết tháng 9 năm 2021. Nhưng kể từ tháng 10/2021 trở đi thì Công ty TNHH K bắt đầu vi phạm hợp đồng, không thanh toán tiền cho Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M. Thời điểm đó dịch bệnh Covid 19 bùng phát nên việc làm ăn của Công ty TNHH K gặp khó khăn. Do vậy, Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M vẫn thông cảm và tiếp tục thực hiện việc cung cấp thức ăn cho Công ty TNHH K đến hết tháng 5 năm 2022. Sau đó, Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M đã gửi công văn giục trả nợ đến Công ty TNHH K rất nhiều lần nhưng Công ty TNHH K vẫn không trả.

Hai bên cũng đã đối chiếu công nợ và có Biên bản đối chiếu công nợ No: 06/2022/KCD-MT ngày 14/6/2022, tổng số tiền Công ty TNHH K nợ Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M từ tháng 10 năm 2021 đến hết tháng 5 năm 2022 là 1.579.315.900 đồng. Từ khi đối chiếu công nợ đến nay Công ty TNHH K vẫn chưa trả được cho Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M đồng nào.

Nay, Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH K phải thanh toán trả Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M tiền cung cấp suất ăn công nghiệp từ tháng 10/2021 đến hết tháng 5 năm 2022, tổng số tiền là 1.579.315.900 đồng như công nợ đã chốt giữa hai bên ngày 14/6/2022. Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M không yêu cầu tính lãi.

[4.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M:

Theo các tài liệu thu thập được cũng như trình bày của nguyên đơn, ngày 02/01/2021 Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M và Công ty TNHH K có ký hợp đồng dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp số 02.01.21/MT- KCD; ngày 01/01/2022 Công ty TNHH sản xuất thương mại và

dịch vụ M và Công ty TNHH K có ký Hợp đồng dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp số 01.01.22/MT- KCD. Theo đó, Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M làm dịch vụ cung cấp thức ăn công nghiệp gồm cơm, tráng miệng, bánh sữa ... cho Công ty TNHH K, với hình thức thanh toán dựa trên số suất ăn thực tế hai bên đã đối chiếu hằng ngày; việc thanh toán thực hiện mỗi tháng một lần bằng hình thức chuyển khoản; thời điểm thanh toán là 30 ngày kể từ ngày Công ty TNHH K nhận được hóa đơn chứng từ của Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M. Tuy nhiên từ tháng 10/2021 đến hết tháng 5 năm 2022 Công ty TNHH K chưa thanh toán tiền cho Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M. Các lần chưa thanh toán phù hợp với biên bản đối chiếu công nợ kèm theo bảng kê chi tiết danh mục hàng hóa. Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M và Công ty TNHH K đã cùng ký kết tại biên bản đối chiếu công nợ và thống nhất số tiền Công ty TNHH K còn nợ Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M từ tháng 10/2021 đến hết tháng 5 năm 2022 là 1.579.315.900 đồng.

Do vậy, HĐXX có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M đối với Công ty TNHH K. Buộc Công ty TNHH K phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M số tiền 1.579.315.900 đồng là phù hợp với Điều 513 của Bộ luật dân sự.

[4.2]. Về lãi suất: Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M tự nguyện không yêu cầu Công ty TNHH K phải trả lãi suất, xét thấy đây là sự tự nguyện của công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Từ những nhận định nêu trên, HĐXX buộc Công ty TNHH K phải có nghĩa vụ trả Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M tổng số tiền còn nợ là 1.579.315.900 đồng

[6]. Về án phí: Do yêu cầu của Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M được chấp nhận, nên Công ty TNHH K phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 59.379.477 đồng.

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M.

Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điều 280, Điều 385, Điều 398, Điều 401, Điều 402, Điều 403, Điều 410, Điều 513, Điều 515, Điều 516, Điều 517, Điều 518 Bộ luật dân sự; Điều 30, Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 74, Điều 75, Điều 78, Điều 79, Điều 81, Điều 82, Điều 87, Điều 317, Điều 319 Luật Thương mại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M, buộc Công ty TNHH K phải thanh toán số tiền là 1.579.315.900 đồng cho Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M.

3. Về án phí: Công ty TNHH K phải chịu 59.379.477 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ M 29.467.000 đồng đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: 0009686 ngày 06/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

6. Hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKS huyện Y;
- CCTHA dân sự huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Anh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thái Lương Ngọc Biên

Nguyễn Thị Anh

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- VKS huyện Y;
- CCTHA dân sự huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Anh

